

Bản án số: 77/2024/HS-ST

Ngày: 20/6/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Trọng Hải

2. Bà Đỗ Thị A

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Trúc Ly – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 tham gia phiên tòa: Ông Phan Trần Vĩnh Phúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 74/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

1. **Cao Văn N;** sinh ngày 01/01/1983, tại: Đồng Tháp; Hộ khẩu thường trú: xã A, huyện T, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: đường X, phường Y, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Cao Văn N2 (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị P (sinh năm 1960); vợ con không rõ; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 22/9/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 7 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 151/2018/QĐ-TA ngày 27/11/2018. Đến ngày 22/3/2020, chấp hành xong quyết định (giấy chứng nhận số 294/GCN-CSPĐ).

- Ngày 29/8/2020, bị Tòa án nhân dân Quận Bình Tân áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 843/QĐ-TA ngày 18/11/2020. Đến ngày 28/01/2022, chấp hành xong quyết định (giấy chứng nhận số 214/CN-CS2).

- Ngày 13/06/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 32/2024/HS-ST.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt

tại phiên tòa.

2. **Kiều Thị N1**; sinh ngày 01/6/1988, tại: Thành phố Hồ Chí Minh; Hộ khẩu thường trú: đường M, phường N, Quận O, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: đường I, phường E, quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Kiều Công T (sinh năm 1959) và bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1968); hoàn cảnh gia đình: chồng không rõ; con tên Kiều Tấn Đ sinh năm 2008;

Tiền án: ngày 22/05/2020 bị Tòa án nhân dân Quận 8 xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo bản án số 57/2020/HS-ST, đến ngày 28/01/2022 chấp hành xong hình phạt về địa phương;

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/01/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại*: Âu Thị Y, sinh ngày 19/3/1977 (có đơn xin vắng mặt)

Thường trú: đường S, Phường T, Quận V, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 02 giờ sáng ngày 28/01/2024, Cao Văn N từ phòng trọ tại nhà số 131 Cư xá Đường Sắt, Phường 1, Quận 3, mang theo 01 kèm thủy lục, dài khoảng 30cm giấu vào trong người, một mình đi bộ lòng vòng qua nhiều tuyến đường tìm cơ hội bẻ khóa cửa nhà để đột nhập vào nhà của người khác chiếm đoạt tài sản. Khi đến đầu hẻm 72 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10 phát hiện nhà số 72 Ngô Gia Tự, Phường 9, Quận 10, của bà Âu Thị Y, có 02 cửa hông, trong đó có một cửa được khóa ổ khóa bên ngoài. N dùng dây vải nhặt được cột cửa sắt kéo kè bên để đề phòng người trong nhà phát hiện; sau đó dùng kèm cắt khóa cửa có ổ khóa ngoài rồi đi vào bên trong nhà, lấy 01 máy tính laptop hiệu Dell màu đen, 01 máy quạt hơi nước màu trắng và N tiếp tục lục tìm trong học bàn, phát hiện có 01 cọc tiền, không kịp đếm lấy nhét vào trong túi quần rồi tẩu thoát về lại phòng trọ của mình cất giấu, chờ tiêu thụ.

Đến khoảng 06 giờ ngày 28/01/2024, Kiều Thị N1 đến phòng trọ của N chơi, khi vào phòng thấy có một cái quạt hơi nước màu trắng, N1 đổ nước vào sử dụng và nằm trong phòng coi điện thoại. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, N về phòng trọ, N1 hỏi cây quạt ở đâu mà có. N nói cho N1 biết mới lấy trộm được ở bên đường Ngô Gia Tự, Quận 10 cùng một máy laptop và số tiền khoảng 60.000.000 đồng. Sau đó, N và N1 đi ăn và mua một số đồ đặc cá nhân để xài; N cho N1 số tiền 1.500.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, N1 và N quay về lại phòng trọ thì nghe những người hàng xóm nói có Công an kiểm. N nói N1 trả phòng trọ và cùng nhau đi thuê phòng 101, khách sạn Quốc Anh, số 67 đường số 9, khu dân cư Trung Sơn, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để ở.

Khoảng 08 giờ ngày 29/01/2024, N1 quay về lại nhà trọ số 131 cư xá Đường Sắt, Phường 1, Quận 3, lấy một ba lô màu đỏ đen, trong đó có: máy tính, kèm, áo của N, thì bị Công an Quận 10 phát hiện.

Sau khi bị mất trộm tài sản, bà Âu Thị Y đi đến Công an Phường 9, Quận 10 trình báo sự việc. Công an Phường 9 Quận 10 lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 để giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 30/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 thi hành lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Kiều Thị N1, Cao Văn N và khám xét khẩn cấp chỗ ở của Cao Văn N thu giữ 01 máy làm mát không khí hiệu Penhouse, do N chiếm đoạt.

Tại kết luận định giá tài sản số 292/KL-HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 10 kết luận: “01 chiếc quạt hơi nước, hãng sản xuất Penhose trị giá 1.000.000 đồng; 01 máy tính hiệu Dell Latitude E7470 trị giá 5.000.000 đồng”.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10, Cao Văn N và Kiều Thị N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Bị can N khai sau khi chiếm đoạt được số tiền đem về phòng trọ đếm được 64.200.000 đồng. Bị can N đã sử dụng: Chuyển vào tài khoản ngân hàng của N 20.000.000 đồng; nạp thẻ game để chơi trực tuyến 25.000.000 đồng; sửa xe, trả nợ lặt vặt, tiêu xài cá nhân hết 10.200.000 đồng; trả tiền phòng 1.000.000 đồng; cước điện thoại 1.500.000 đồng; cho bị can N1 1.500.000 đồng; còn lại 5.000.000 đồng tiền mặt. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã trích xuất bị can N ra khỏi nhà tạm giữ, đưa N đi ra Ngân hàng Vietcombank cho N rút số tiền này trong tài khoản, ngoài ra trong tài khoản còn có 4.392.500 đồng là tài sản cá nhân của N và N đồng ý rút số tiền này, tổng cộng là: 24.392.500 đồng giao nộp lại cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 (để khắc phục hậu quả).

Bà Âu Thị Y khai bị chiếm đoạt 01 quạt hơi nước, 01 máy tính xách tay và số tiền 64.200.000 đồng.

Vật chứng, tài sản thu giữ:

- 01 (một) áo thun màu xanh dài tay; 01 (một) đôi dép nam quai đen, sọc trắng có chữ là trang phục bị can N mặc, mang khi đi thực hiện hành vi phạm tội;

- 01 (một) sợi dây vải; 01 (một) ổ khóa móc khóa và ổ bị cắt rời; 01 (một) chiếc ba lô màu đỏ đen; 01 (một) kèm thủy lực màu đen cam dài khoảng 30cm;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, C53, số IMEI: 869720067267099/48, sim số: 0766107579; 01 (một) điện thoại di động Samsung A52; số imel: 359461652433716; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s, số máy: NKQQ2LL/A là tài sản của bị cáo N1 giao cho bị can N giữ, không liên quan đến vụ án;

- 01 (một) điện thoại hiệu Samsung A14, Imel 352117139558957; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A9, số imel 867580042484058 là tài sản của bị cáo N, không liên quan đến vụ án;

Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 chuyển các vật chứng trên đến Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10 chờ xử lý.

- 01 (một) máy tính hiệu Dell Latitude E7450 và 01 (một) chiếc máy quạt hơi nước hiệu Penhose là tài sản của bà Âu Thị Y bị chiếm đoạt, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xử lý vật chứng trả lại cho bà Y;

- Số tiền 29.392.500 đồng, trong đó có 25.000.000 đồng là tiền bị cáo N lấy trộm được; 4.392.500 đồng, là tiền của bị cáo N và bị cáo đồng ý sử dụng số tiền này bồi thường cho bị hại Y. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xử lý vật chứng trả lại cho bà Y.

- 01 (một) xe máy hiệu Wave S, biển số: 59C3-257.27; số máy: JC43E1573529; số khung: RLHJC4317BY607251. Kết quả giám định số khung, số máy không thay đổi. Xác minh xe do anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1995, HKTT: 122/24 Tôn Đức, phường 10, quận 4, Tp. Hồ Chí Minh, đứng tên đăng ký. Anh T đã bán xe trên. Hiện bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967, HKTT: TK53/40B Võ Văn Kiệt, phường Cầu Kho, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là mẹ của bị cáo N1, là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe. Bà L cho bị cáo N1 mượn xe để sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 đã xử lý vật chứng trả lại xe cho bà Nguyễn Thị L.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Âu Thị Y yêu cầu bị can N tiếp tục bồi thường cho bà số tiền bị chiếm đoạt còn lại là 34.807.500 đồng.

Tại Bản cáo trạng số 72/CT-VKSQ10 ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 đã truy tố bị cáo Cao Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố bị cáo Kiều Thị N1 về tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Các bị cáo Cao Văn N và Kiều Thị N1 đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Các bị cáo không tranh luận, bào chữa.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh tụng: Sau khi kiểm tra đầy đủ các chứng cứ buộc tội, gỡ tội và các tình tiết khác của vụ án, các bị cáo đã thừa nhận hành vi sai trái do các bị cáo gây ra như nội dung bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã có đủ cơ sở để kết luận:

+ Bị cáo Cao Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù. Khi bản án huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An có hiệu lực thì tổng hợp hình phạt.

+ Bị cáo Kiều Thị N1 phạm tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người

khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo N1 có 01 tiền án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng tù đến 02 năm tù.

Đối với vật chứng vụ án, căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 và căn cứ lời khai tại phiên tòa của các bị cáo, xử lý vật chứng như sau:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, C53, số IMEI: 869720067267099/48, sim số: 0766107579 là tài sản của bị cáo N không liên quan đến vụ án, do đó trả lại cho bị cáo N.

+ 01 (một) điện thoại hiệu Samsung A14, Imel 352117139558957; 01 (một) điện thoại di động Samsung A52; số imel: 359461652433716; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s, số máy: NKQQ2LL/A; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A9, số imel 867580042484058 là tài sản của bị cáo N1 không liên quan đến vụ án, do đó trả lại cho bị cáo N1.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo Cao Văn N tiếp tục bồi thường cho bà Âu Thị Y số tiền 34.807.500 đồng.

Bị cáo Cao Văn N nói lời sau cùng: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt để sớm về lo cho cha mẹ già.

Bị cáo Kiều Thị N1 nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Quận 10, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và định khung hình phạt:

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can trong quá trình điều tra, lời khai của các bị cáo còn phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản thực nghiệm điều tra; biên bản kiểm tra camera; biên bản thu giữ vật chứng; biên bản nhận dạng; lời khai của bị hại, người làm chứng, Kết luận định giá tài sản số 292/KL-

HĐĐGTS ngày 05/02/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên tài sản trong tổ tụng hình sự Quận 10 và các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều tra và diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định:

[2.1] Vào khoảng 02 giờ ngày 28/01/2024, tại nhà số 72 Ngô Gia Tự, phường 09, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Cao Văn N đã thực hiện hành vi cắt khóa, đột nhập vào nhà, lén lút chiếm đoạt 01 máy tính xách tay hiệu Dell trị giá 5.000.000 đồng, 01 máy quạt hơi nước trị giá 1.000.000 đồng và số tiền 64.200.000 đồng của bà Âu Thị Y. Tổng số tài sản bị cáo N chiếm đoạt trị giá 70.200.000 đồng nên hành vi của N đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” thuộc tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[2.2] Vào khoảng 09 giờ ngày 28/01/2024, bị cáo N có nói cho bị cáo Kiều Thị N1 biết toàn bộ số tài sản nêu trên là do bị cáo N trộm cắp mà có. Sau đó, bị cáo N cùng với bị cáo N1 sử dụng số tiền đã chiếm đoạt đi ăn uống, mua một số đồ đạc cá nhân để xài và bị cáo N cho bị cáo N1 số tiền 1.500.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo N1 còn giúp bị cáo N lấy máy tính xách tay hiệu Dell đem đi cất giấu vào ba lô màu đỏ đen nên hành vi của N1 đã phạm vào tội “Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy, cần phải được xử lý nghiêm, cần thiết cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[4.1] Bị cáo Cao Văn N không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân xấu:

- Ngày 22/9/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 7 áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 151/2018/QĐ-TA ngày 27/11/2018. Đến ngày 22/3/2020, chấp hành xong quyết định (giấy chứng nhận số 294/GCN-CSPĐ).

- Ngày 29/8/2020, bị Tòa án nhân dân Quận Bình Tân áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời hạn 18 tháng theo Quyết định số 843/2020/QĐ-TA ngày 18/11/2020. Đến ngày 28/01/2022, chấp hành xong quyết định (giấy chứng nhận số 214/CN-CS2).

- Ngày 13/06/2024 bị Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh xử phạt 02 năm 06 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 32/2024/HS-ST.

[4.1] Bị cáo Kiều Thị N1 có 01 tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc tình tiết tăng nặng “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Cao Văn N khắc phục một phần thiệt hại nên được áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, khi lượng hình cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ và lời khai đều cho thấy bị cáo Cao Văn N và Kiều Thị N1 đều không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021;

Căn cứ lời khai thống nhất của bị cáo N và bị cáo N1 tại phiên tòa xác định vật chứng: điện thoại di động hiệu Realme là của bị cáo N; điện thoại Samsung A14, Samsung A52, Iphone 6s, Oppo A9 là của bị cáo N1. Cả hai bị cáo không có sử dụng các điện thoại trên để liên lạc, trao đổi, thương lượng việc phạm tội.

Do đó, Hội đồng xét xử xử lý vật chứng như sau:

+ 01 USB chứa nội dung hình ảnh phạm tội của bị cáo Cao Văn N; 02 đĩa DVD ghi âm ghi hình bị cáo Cao Văn N và bị cáo Kiều Thị N1 cần tiếp tục lưu trong hồ sơ;

+ 01 (một) áo thun màu xanh dài tay; 01 (một) đôi dép nam quai đen, sọc trắng có chữ (là trang phục bị can N mặc, mang khi đi thực hiện hành vi phạm tội); 01 (một) sợi dây vải; 01 (một) ổ khóa móc khóa và ổ bị cắt rời; 01 (một) chiếc ba lô màu đỏ đen (không có giá trị sử dụng); 01 (một) kèm thủy lực màu đen cam dài khoảng 30cm (là công cụ phạm tội) cần tịch thu tiêu hủy.

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, C53, số IMEI: 869720067267099/48, sim số: 0766107579 là tài sản của bị can N, không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo N.

+ 01 (một) điện thoại hiệu Samsung A14, Imel 352117139558957; 01 (một) điện thoại di động Samsung A52, số imel: 359461652433716; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s, số máy: NKQQ2LL/A; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A9, số imel 867580042484058 là tài sản của bị can N1, không liên quan đến vụ án, nên trả lại cho bị cáo N1.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Bị hại là bà Âu Thị Y yêu cầu bị cáo Cao Văn N tiếp tục bồi thường số tiền 34.807.500 đồng, bị cáo N thống nhất bồi thường cho bà Y. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585 của Bộ luật dân sự 2015, bị cáo Cao Văn N bồi thường cho bà Âu Thị Y số tiền 34.807.500 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Riêng bị cáo N còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ bồi thường cho bị hại Âu Thị Y.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Cao Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo Kiều Thị N1 phạm tội “*Chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Về hình phạt chính:

+ Căn cứ Điều 38; Điều 50; điểm b, s khoản 1 Điều 51; tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; xử phạt bị cáo Cao Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2024.

+ Căn cứ Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017; xử phạt bị cáo Kiều Thị N1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2024.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Cao Văn N và bị cáo Kiều Thị N1 để đảm bảo thi hành án. Thời hạn tạm giam là 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Cao Văn N và Kiều Thị N1.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021.

+ Lưu hồ sơ vụ án 01 USB chứa nội dung hình ảnh phạm tội của bị cáo Cao Văn N; 02 đĩa DVD ghi âm ghi hình bị cáo Cao Văn N và bị cáo Kiều Thị N1;

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun màu xanh dài tay; 01 (một) đôi dép nam quai đen, sọc trắng có chữ (là trang phục bị can N mặc, mang khi đi thực hiện hành vi phạm tội); 01 (một) sợi dây vải; 01 (một) ổ khóa móc khóa và ổ bị cắt rời; 01 (một) chiếc ba lô màu đỏ đen (không có giá trị sử dụng); 01 (một) kèm thủy lực màu đen cam dài khoảng 30cm;

+ Trả lại cho bị cáo Cao Văn N 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme, C53, số IMEI: 869720067267099/48, sim số: 0766107579;

+ Trả lại cho bị cáo Kiều Thị N1 01 (một) điện thoại hiệu Samsung A14, Imel 352117139558957; 01 (một) điện thoại di động Samsung A52, số imel: 359461652433716; 01 (một) điện thoại di động Iphone 6s, số máy: NKQQ2LL/A; 01 (một) điện thoại hiệu Oppo A9, số imel 867580042484058.

(Theo Quyết định chuyển vật chứng số 83/QĐ-VKS ngày 15/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 10)

5. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Cao Văn N bồi thường cho bị hại Âu Thị Y số tiền 34.807.500 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

6. Về án phí: Bị cáo Cao Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 1.740.375 đồng. Bị cáo Kiều Thị N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

7. Quyền kháng cáo: Bị cáo Cao Văn N và bị cáo Kiều Thị N1 có mặt có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Âu Thị Y vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- VKSND Quận 10, Tp. HCM;
- Chi cục THADS Quận 10, Tp. HCM;
- Công an Quận 10, Tp. HCM;
- Phòng PC 53;
- Sở Tư pháp Tp. HCM
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Vân